

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng nghiên cứu

Tên ngành: Thú y

Mã số: 8640101

*(Ban hành kèm theo quyết định số 4188/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)*

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Thú y Veterinary Medicine
2	Mã ngành	8640101
3	Đơn vị quản lý	Khoa Thú y, Trường Nông nghiệp
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	- Thú y
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	- Chăn nuôi - Nông học - Bệnh học thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Công nghệ sinh học
4.3	Yêu cầu chung	Tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng khá hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập. Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT)
5	Mục tiêu	- Mục tiêu đào tạo chung: Đào tạo thạc sĩ ngành Thú y định hướng nghiên cứu có trình độ nghiên cứu chuyên sâu về lý thuyết, nguyên lý trong lĩnh vực Thú y; có khả năng truyền đạt kiến thức khoa học Thú y; có khả năng đóng góp cho sự phát triển của khoa học ứng dụng và công nghệ; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. - Mục tiêu đào tạo cụ thể (viết từ 3 đến 4 mục tiêu đào tạo cụ thể) a. Kiến thức chuyên sâu về nguyên lý, nhiệm vụ, công việc của chuyên gia trong lĩnh vực Thú y b. Năng lực nghiên cứu, phát hiện, sáng tạo, giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Thú y c. Kỹ năng ngoại ngữ, viết báo cáo, trình bày nghiên cứu, trao đổi, cung cấp các kết quả khoa học, công nghệ trong lĩnh vực Thú y d. Ý thức trách nhiệm với xã hội, tuân thủ các quy định, nguyên tắc nghề nghiệp
6	Chuẩn đầu ra	Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Thú y định hướng nghiên cứu trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu, người học có khả năng:
6.1	Kiến thức	a. Vận dụng kiến thức và phương pháp luận khoa học trong quá trình nghiên cứu, đề xuất giải pháp chuyên sâu trong lĩnh vực Thú y (PLO1) b. Áp dụng hiệu quả các nguyên lý, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành nâng cao để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu Thú y (PLO2) c. Kết hợp các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu để xây dựng giải pháp phòng, trị bệnh trong lĩnh vực Thú y (PLO3) d. Ứng dụng kiến thức chuyên sâu, đạt hiệu quả theo tiêu chuẩn chuyên ngành trong chẩn đoán, phòng chống bệnh trên động vật và

		quản lý an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi và thủy sản (PLO4)
6.2	Kỹ năng	a. Phân tích dữ liệu và thông tin chuyên sâu trong đề xuất giải pháp cho các vấn đề thực tiễn ngành Thú y (PLO5) b. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu) cùng các kỹ năng về quản lý, năng lực số, khả năng thích ứng trong các hoạt động chuyên môn, trao đổi học thuật và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Thú y (PLO6)
6.3	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	a. Thể hiện tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong công việc, nghiên cứu chuyên môn Thú y và phát triển xã hội thịnh vượng (PLO7)
6.4	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	<i>Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu).</i> <i>Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.</i>
7	Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT	- Nhân viên hoặc quản lý ở các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực Thú y như trạm Thú Y, Chi cục Thú y, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp, Viện nghiên cứu, Sở Nông nghiệp,... - Giảng viên hoặc quản lý ở các Trường Đại học, Cao Đẳng, và Trung cấp có đào tạo ngành Thú y, Chăn nuôi, ...) - Nhân viên hoặc quản lý tại các công ty thức ăn gia súc và thuốc thú y trong ngoài nước như De Heus, CP, Greenfeed, Japfa, Cargill,...
8	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp CTĐT	Có khả năng học tập, nâng cao lên trình độ tiến sĩ ở các trường trong cả nước hoặc trên thế giới (kèm theo văn bằng tiếng Anh theo yêu cầu của từng quốc gia)
9	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Kiến thức chung: 03 tín chỉ (Triết học) + Ngoại ngữ - Kiến thức khối ngành: 12 tín chỉ - Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ - Nghiên cứu khoa học: 27 tín chỉ
10	Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo	- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; - Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; - Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; - Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học; - Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. - Các CTĐT trong nước và quốc tế: + Đại học Putra Malaysia https://vet.upm.edu.my/academic/postgraduate/master_of_veterinary_science-38147 + Học viện Nông nghiệp Việt Nam https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-thac-si/cid/4658

		+ Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/pgo-24527-1/vn/chuong-trinh-dao-tao.html
11	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành yêu cầu ở mục 4.2	- Số học phần: 03; tổng tín chỉ: 08 TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1. Vi sinh Thú y (NS295, 3 TC) 2. Miễn dịch học (NS119, 3 TC) 3. Dược lý Thú y (NN173, 3 TC)
12	Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Đại học Cần Thơ hàng năm, với 3 hình thức có thể áp dụng: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển; Thi tuyển.
12.1	Môn thi tuyển sinh	1. Miễn dịch học 2. Vi sinh thú y 3. Ngoại ngữ
12.2	Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo chi tiết (*)

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
I. Phần kiến thức chung										
1	ML605	Triết học	3	x		45				I, II, III
II. Phần kiến thức khối ngành										
2	NNN648	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi & Thú y	2	x		30				I, II, III
3	NNY616	Miễn dịch học nâng cao	2	x		30				I, II, III
4	NN741	Sinh lý bệnh học thú y	2	x		30				I, II, III
5	NN740	Tin học ứng dụng trong thú y	2		x	30				I, II, III
6	CT888	Năng lực số A	2	x		30				I, II, III
7	NN743	Công nghệ sinh học trong thú y	2		x	20	20			I, II, III
8	NNY621	Một sức khỏe - One health	2		x	30				I, II, III
9	NNY603	Anh văn chuyên ngành thú y	2		x	30				I, II, III
Cộng: 12 TC (Bắt buộc: 08 TC; Tự chọn: 04 TC)										
III. Phần kiến thức chuyên ngành										
10	NNY620	Bệnh truyền nhiễm gia súc	2	x		20	20			I, II, III
11	NNY619	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	2	x		20	20			I, II, III
12	NN746	Bệnh ký sinh	2	x		20	20			I, II, III
13	NNY626	Dược lý thú y nâng cao	2	x		20	20			I, II, III
14	NN744	Vi sinh thú y	2	x		20	20			I, II, III
15	NNY618	Bệnh thú cảnh	2		x	20	20			I, II, III
16	NNY627	Sinh dược phẩm trong Thú y	2		x	30				I, II, III
17	NN759	Bệnh di truyền	2		x	30				I, II, III

Sgt

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
18	NNY628	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2		x	30				I, II, III
19	NN751	Bệnh dinh dưỡng	2		x	30				I, II, III
20	NNY629	Độc chất học thú y	2		x	30				I, II, III
21	NN758	Bảo vệ quyền lợi động vật	2		x	30				I, II, III
22	NNN635	Quản lý dịch bệnh	2		x	30				I, II, III
23	NNY607	Vệ sinh an toàn thực phẩm động vật	2		x	30				I, II, III
24	NNN649	Quản lý chuỗi sản xuất dịch vụ chăn nuôi - thú y	2		x	30				I, II, III
25	NNN629	Chăn nuôi thú cảnh	2		x	30				I, II, III
26	NNY617	An toàn và an ninh sinh học	2		x	30				
27	NNY622	Thú y và sức khỏe cộng đồng	2		x	30				I, II, III

Cộng: 18 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 08 TC)

II, III: (I). Khối KHTN (Triết học 3 TC): II + III = 30 TC gồm 18 TC bắt buộc, 12 TC tự chọn

IV. Phần nghiên cứu khoa học

28	NNY000	Luận văn tốt nghiệp	15	x			450			I, II, III
29	NNY003	Chuyên đề Dịch tễ học Thú y	3	x		45				I, II, III
30	NNY004	Chuyên đề báo cáo học thuật nghiên cứu	3	x		45				I, II, III
31	NNY005	Chuyên đề bệnh nội khoa Thú y	3		x	30				I, II, III
32	NNY006	Chuyên đề bệnh ngoại khoa Thú y	3		x	30				I, II, III
33	NNY007	Chuyên đề bệnh sản khoa Thú y	3		x	45				I, II, III

Cộng: 27 TC (Bắt buộc: 21 TC, Tự chọn: 6 TC)

		Tổng cộng	60	42	18					
--	--	------------------	-----------	-----------	-----------	--	--	--	--	--

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI HỌC CẦN THƠ

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Lê Văn Vàng